

Bản án số: 127/2023/KDTM-ST
Ngày: 17 - 11 - 2023
V/v: “T/c Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: bà Võ Thị Mai

bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2023; về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 561/2023/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 507/2023/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); địa chỉ: H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Thành T, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm X (Là người được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị), ông Giản Thanh H, sinh năm 2000, chức vụ: Chuyên viên XLN KHDN MN, ông Trần Dương K, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số: 1128/2023/UQ-PGD ngày 06 tháng 3 năm 2023); Địa chỉ liên lạc: Tầng A, I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH T2; địa chỉ: 2 Đường số H, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: T14 K Đường V, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1989 và bà Đoàn Thị H2, sinh năm 1971; cùng nơi cư trú: C12 05 chung cư A, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2023 và bản tự khai của người khởi kiện là **Ngân hàng TMCP V** (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 28/6/2019, Ngân hàng và **Công ty TNHH T2** (sau đây gọi tắt là Công ty) đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: MBD/H11/19/0100/HDHMTCTK với hạn mức thấu chi 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Thời hạn cho vay là 12 tháng, mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh phục vụ cho hoạt động vệ sinh chung nhà cửa.

Ngày 02/7/2019, Ngân hàng và Công ty đã ký kết Hợp đồng cho vay số: MBD/H11/19/0100/HDTD với hạn mức 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn cho vay là 24 tháng, mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh phục vụ cho hoạt động vệ sinh chung nhà cửa.

Công ty đã giao dịch để được cấp thẻ tín dụng của Ngân hàng đó là Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 02/7/2019, hạn mức 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh phục vụ cho hoạt động vệ sinh chung nhà cửa. Thời hạn hạn mức tín dụng thẻ là 60 tháng, lãi suất trong hạn áp dụng đối với dư nợ thẻ tín dụng là 36%/năm, lãi suất thẻ tín dụng trong hạn này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định của ngân hàng theo từng thời kỳ.

Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng hợp đồng bảo lãnh số: MBD/H11/19/0100/HDBL.01 ngày 28/06/2019; MBD/H11/19/0100/HDBL.02 ngày 28/6/2019; MBD/H11/19/0100/HDBL.01 ngày 02/7/2019 và MBD/H11/19/0100/HDBL.02 ngày 02/7/2019 với nội dung bà **Nguyễn Thanh H1** và bà **Đoàn Thị H2** đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng nêu trên với Ngân hàng. Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty, bà **Nguyễn Thanh H1** và bà **Đoàn Thị H2** để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng **Công ty C** kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với các giao dịch tín dụng trên, Ngân hàng đã thông báo về việc vi phạm cho Công ty, nhưng Công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận giữa hai bên khi giao kết hợp đồng và thẻ tín dụng, nên Ngân hàng khởi kiện Công ty.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

Công ty yêu cầu Tòa án buộc **Công ty TNHH T2** phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 17/11/2023 là:

Nợ gốc hạn mức: 147.290.307 đồng

Nợ lãi + lãi chậm trả hạn mức: 100.335.064 đồng

Nợ gốc thẻ: 199.485.560 đồng

Nợ lãi thẻ: 176.094.763 đồng

Nợ gốc thấu chi: 295.660.802 đồng

Nợ lãi + lãi chậm trả thấu chi: 183.579.417 đồng

Tổng cộng: 1.102.445.913 đ (một tỷ một trăm lẻ hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm mười ba đồng)

Ngoài ra, Công ty T2 vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty T2 không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, bà Nguyễn Thanh H1, bà Đoàn Thị H2 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty TNHH T2 (sau đây gọi tắt là Công ty) đã ký các Hợp đồng tín dụng và giao kết về Thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Do đó, có cơ sở xác định giữa Công ty và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản như quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do Công ty không trả tiền vay nên Ngân hàng khởi kiện; quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty có địa chỉ tại quận G, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập Công ty, bà H1, bà H2 tới Tòa án để giải quyết vụ án. Do Công ty, bà H1, bà H2 không tới Tòa theo triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không ghi được lời khai của Công ty, bà H1, bà H2 và không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho Công ty, bà H1, bà H2 nhưng các đương sự không tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty, bà H1, bà H2.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công ty phải thanh toán một lần số tiền nợ tính đến hết ngày 17/11/2023 là 1.102.445.913 đ (một tỷ một trăm lẻ hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm mười ba đồng) như đã trình bày ở phần nội dung của bản án này:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy Ngân hàng đã thông báo về việc chậm đóng tiền theo quy định của các Hợp đồng và T1 tín dụng cho Công ty, nhưng Công ty vẫn không thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận, nên Ngân hàng đã khởi kiện Công ty là phù hợp với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, .. thì áp dụng theo quy định của

Luật này”, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Do vậy, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng được thực hiện theo thỏa thuận; Hội đồng xét xử xét lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật, nhận thấy yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thống nhất:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Công ty phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ tính đến ngày 17 tháng 11 năm 2023 là 1.102.445.913 đ (một tỷ một trăm lẻ hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm mười ba đồng), trong đó: nợ gốc hạn mức: 147.290.307 đồng; nợ lãi + lãi chậm trả hạn mức: 100.335.064 đồng; nợ gốc thẻ: 199.485.560 đồng; nợ lãi thẻ: 176.094.763 đồng; nợ gốc thấu chi: 295.660.802 đồng; nợ lãi + lãi chậm trả thấu chi: 183.579.417 đồng, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2023, Công ty còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền còn nợ theo Hợp đồng và **T1** tín dụng tại thời điểm thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp **Công ty T2** không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, bà **Nguyễn Thanh H1**, bà **Đoàn Thị H2** có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Công ty phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.073.377 đ (bốn mươi lăm triệu không trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm bảy mươi bảy đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền 19.815.242 đ (mười chín triệu tám trăm mười lăm ngàn hai trăm bốn mươi hai đồng) cho **Ngân hàng TMCP V (V1)** mà người khởi kiện đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2022/0013038 ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự **quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 207, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Áp dụng pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH T2 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) toàn bộ số nợ từ các giao dịch tín dụng: Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: MBD/H11/19/0100/HDHMTCTK ngày 28/6/2023; Hợp đồng cho vay số: MBD/H11/19/0100/HDTD ngày 02/7/2023 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 02/7/2019, số nợ này tính đến ngày 17 tháng 11 năm 2023 là 1.102.445.913 đ (một tỷ một trăm lẻ hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm mười ba đồng), trong đó: nợ gốc hạn mức: 147.290.307 đồng; nợ lãi + lãi chậm trả hạn mức: 100.335.064 đồng; nợ gốc thẻ: 199.485.560 đồng; nợ lãi thẻ: 176.094.763 đồng; nợ gốc thấu chi: 295.660.802 đồng; nợ lãi + lãi chậm trả thấu chi: 183.579.417 đồng, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2023, Công ty TNHH T2 còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền còn nợ theo Hợp đồng và T1 tín dụng nêu trên tại thời điểm thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp Công ty T2 không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, bà Nguyễn Thanh H1, bà Đoàn Thị H2 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký vào ngày 28/6/2019 và ngày 02/7/2019 để bảo lãnh cho số nợ đã vay.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Công ty TNHH T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.073.377 đ (bốn mươi lăm triệu không trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm bảy mươi bảy đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền 19.815.242 đ (mười chín triệu tám trăm mười lăm ngàn hai trăm bốn mươi hai đồng) cho Ngân hàng TMCP V (V1) mà người khởi kiện đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2022/0013038 ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn